

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



AmbetterofAlabama.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter of Alabama, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)					
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
			SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA		<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>		1B
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)		<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>		1B
Opioid Combinations				<i>oxycodone w/acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B
<i>acetaminophen w/codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>		1B
<i>acetaminophen w/codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)		Opioid Partial Agonists	
<i>acetaminophen w/codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetaminophen w/codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTI-ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>FASENRA SOSY</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>NUCALA SOAJ</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOLR</i>	4	QL(0.1073 ea daily); PA
<i>NUCALA SOSY 100 MG/ML</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 150 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 gm daily)
<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUITY ELLIPTA	2	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
QVAR REDIHALER	2	
Sympathomimetics		
AIRDUO DIGIHALER 113/14	3	
AIRDUO DIGIHALER 232/14	3	
AIRDUO DIGIHALER 55/14	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLIK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	
STIOLTO RESPIMAT	2	
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Xanthines		
<i>aminophylline SOLN</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG</i>	1B	
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clonazepam TABS</i>	1A		<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 rtl pack lmt per fill; 30 mail pack lmt amt	DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA	<i>lacosamide SOLN OR 10 MG/ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B		<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
			<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA	<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B		<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA	<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2		Succinimides		
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2		CELONTIN (<i>methsuximide</i>)	3	QL(4 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	Valproic Acid		
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
Carbamates			<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
GABA Modulators			<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tiagabine hcl</i>	1B		<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Hydantoins			<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2		<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
DILANTIN	2		Antidepressants - Misc.		
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)			<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
EMSAM	3	QL(1 ea daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)	<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Serotonin Modulators		
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s)
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B		Antidiabetic Combinations		
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA	<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA	<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
Tricyclic Agents			JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B		JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>amoxapine</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B		SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>imipramine pamoate</i>	1B				
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B				
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B				
<i>protriptyline hcl</i>	1B				
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B				
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar					
Alpha-Glucosidase Inhibitors					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rti MAX fill; 365 rti day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHIISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Antihistamines - Non-Sedating			Bile Acid Sequestrants		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC	<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>loratadine CAPS</i>	1B		<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>loratadine CHEW</i>	1B		<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>loratadine SOLN</i>	1B		<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>loratadine TABS</i>	1A		<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>loratadine TBDP</i>	1B		Fibric Acid Derivatives		
QUZYTIR SOLN IV	3	PA	<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihistamines - Phenothiazines			<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1B		<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B		<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>promethazine hcl SYRP</i>	1B		<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B		<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihistamines - Piperidines			<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B		<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B		ANTHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations			<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)	Antihyperlipidemics - Misc.		
			<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyl dopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>melphalan</i>	1B		INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>melphalan hcl</i>	1B		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
TEMODAR SOLR	4		LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
Antimetabolites			LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		KANJINTI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	OGIVRI	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	PERJETA	4	SP; PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	TUKYSA	4	PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
TABLOID	4	SP; PA	ERBITUX	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>letrozole</i>	1B	
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
DAURISMO	4	PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP	POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
			Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
			XPOVIO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
Antineoplastic Antibiotics			BRUKINSA	4	PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
			KYPROLIS	4	PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST SOLR	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA
MEKTOVI	4	SP; PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
QINLOCK	4	PA
RETEVMO	4	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
TABRECTA	4	PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
TAFINLAR TBSO	4	PA
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
TAZVERIK	4	PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
TIBSOVO	4	PA
TURALIO	4	PA
VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
VITRAKVI CAPS	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA
VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAR	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP
MATULANE	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
LITHIUM	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
Phenothiazines			CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B		<i>darunavir TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B		DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		DOVATO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1B		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1B		<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B		<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Quinolinone Derivatives			<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
REXULTI	3	PA	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Thioxanthenes			<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>thiothixene</i>	1B		EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections					
Antiretrovirals					
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
			INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
			ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hcv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPB	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefepime proxetil SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefepime proxetil TABS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A		NATAZIA	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy					
Combination Contraceptives - Oral					
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0		<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone acet & eth estra</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
			TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail; 9 ea per 84 days mail)
			Combination Contraceptives - Vaginal		
			ANNOVERA	0	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
Copper Contraceptives - IUD			DEPO-MEDROL SUSP	3	
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0		DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
Emergency Contraceptives			<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
ELLA	0		<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Implants			<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
NEXPLANON	0		<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			EMFLAZA SUSP	4	PA
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	90 rtl day(s) supply; 90 rtl lmt day(s); QL(1 ml per 90 days retail)	<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)	MEDROL TABS	3	
Progestin Contraceptives - IUD			<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
KYLEENA	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
MIRENA	0		<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
SKYLA	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisolone TABS</i>	1B	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisone SOLN</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednisone</i> TBPK	1B		<i>adapalene</i> CREA	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
SOLU-CORTEF 250 MG	3		<i>adapalene</i> GEL 0.3 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply	<i>adapalene</i> GEL 0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC
SOLU-MEDROL 2 GM	3		AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>triamcinolone acetonide</i> SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	1B		BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
Mineralocorticoids			<i>benzoyl peroxide-erythromycin</i> GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>fludrocortisone acetate</i> TABS	1B		<i>benzoyl peroxide</i> FOAM 5.3 %, 9.8 %	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms			<i>benzoyl peroxide</i> GEL 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
Antitussives			<i>benzoyl peroxide</i> GEL 5 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate</i> 150 MG	1B	QL(4 ea daily)	<i>benzoyl peroxide</i> LIQD 4 %, 7 %, 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate</i> 100 MG	1B	QL(6 ea daily)	<i>clindamycin phosphate (topical)</i> FOAM	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzonatate</i> 200 MG	1B	QL(3 ea daily)	<i>clindamycin phosphate (topical)</i> GEL	1B	QL(8 gm daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations			<i>clindamycin phosphate (topical)</i> LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex</i> SUER	1B		<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SOLN	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
TUZISTRA XR	2	PA	<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SWAB	1B	AL(At least 12 yrs old)
Misc. Respiratory Inhalants			<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
HYPERSAL NEBU	1B		<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide</i> GEL 5 %-1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
NEBUSAL NEBU	1B				
<i>sodium chloride (inhalant)</i> NEBU 7 %	1B				
Mucolytics					
<i>acetylcysteine</i> SOLN	1B				
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions					
Acne Products					
<i>adapalene-benzoyl peroxide</i> GEL 2.5 %-0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	Antipruritics - Topical		
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	Antipsoriatics		
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)	<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
			COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
			<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)
			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
Burn Products			<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)			
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)			
<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)			
<i>amcinonide LOTN</i>	3				

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2				
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Diagnostic Tests			PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
CHEMSTRIP-K STRP	1B				
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B				
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B				
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B				
KETONE TEST STRIPS STRP	1B				
KETONE STRP	1B				
KETOSTIX STRP	1B				
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B				
PRECISION XTRA	1B				
PTS PANELS KETONE TEST	1B				
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUE TRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure					
Carbonic Anhydrase Inhibitors					
<i>acetazolamide sodium</i>	1B				
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)			
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA			
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)			
Diuretic Combinations					
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B				
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B				
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes					
Digestive Enzymes					
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>toremide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (<i>teriparatide (recombinant)</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
Prolactin Inhibitors		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
<i>DIFICID TABS</i>	2	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES					
Contraceptives					
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
			TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		Parenteral Therapy Supplies		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
Diabetic Supplies			EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
			UBRELVY	3	ST
			Migraine Combinations		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Serotonin Agonists			<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	Bicarbonates		
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Calcium		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
			Electrolyte Mixtures		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
<i>lactated ringer's</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B	
NORMOSOL-R	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>carisoprodol w/ aspirin & codeine</i>	3	PA
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		NATACYN	2	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics			<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	<i>trifluridine</i>	1B	
Miotics			ZIRGAN GEL	2	
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		Ophthalmic Immunomodulators		
Ophthalmic Adrenergic Agents			<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>apraclonidine hcl</i>	1B		Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		<i>proparacaine hcl</i>	1B	
IOPIDINE	3		Ophthalmic Steroids		
Ophthalmic Anti-infectives			ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>difluprednate</i>	1B	PA
BESIVANCE	3	PA	<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		FML FORTE SUSP	3	PA
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		FML OINT	3	PA
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		LOTEMAX OINT	3	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
			<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
			<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>disulfiram</i>	1B		<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA	Multiple Sclerosis Agents		
Antidementia Agents			AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	4	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)	<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B		KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B		PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
Combination Psychotherapeutics			PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B		PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)	PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
Fibromyalgia Agents			REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA	REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA	REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
Movement Disorder Drug Therapy			REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA	<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents			ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
NUDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA	PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.			TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B		Pulmonary Fibrosis Agents		
<i>pimozide</i>	1B		OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
Smoking Deterrents			<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0		<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0		SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0		Sulfonamides		
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)	TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
NICOTROL INHALER INHA	0		Fluorocyclines		
NICOTROL NS SOLN	0		XERAVA	4	PA
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)	Glycylcyclines		
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0		<i>tigecycline</i>	1B	
Transthyretin Amyloidosis Agents			Tetracyclines		
TEGSEDI	4	PA	<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions			<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)			<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
PROLASTIN-C SOLN	4	PA	<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	
PROLASTIN-C SOLR	4	PA			
Cystic Fibrosis Agents					
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA			

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC

URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms

Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)

<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)

Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists

<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	

Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants

<i>flavoxate hcl</i>	1B	
----------------------	----	--

VACCINES

Bacterial Vaccines

ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MENACTRA	0		AREXVY	0	
MENQUADFI	0		COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
MENVEO SOLR	0		COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
PEDVAX HIB SUSP	0		COMIRNATY SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
PREVNAR 13	0		FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
TRUMENBA	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
Viral Vaccines			FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ABRYSVO	0		FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
			GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HAVRIX	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill
IPOL INACTIVATED IPV	0	
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 50 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	acyclovir CAPS	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14	9
abacavir sulfate TABS	29	acyclovir SUSP	31	AIRDUO DIGIHALER 55/14	9
abacavir sulfate-lamivudine	29	acyclovir TABS OR	31	AIRSUPRA	9
ABELCET	17	acyclovir topical CREA	39	AKYNZEO	17
abiraterone acetate 250 MG	24	acyclovir topical OINT	39	albendazole	7
abiraterone acetate 500 MG	24	ADACEL SUSP	62	albuterol sulfate AERS	9
ABRYSSVO	64	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML	9
acamprosate calcium	59	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate SYRP	9
acarbose	14	adapalene CREA	36	albuterol sulfate TABS	9
acebutolol hcl CAPS	31	adapalene GEL 0.1 %	36	alclometasone dipropionate CREA	39
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 %	36	alclometasone dipropionate OINT	39
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	36	ALDURAZYME	44
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	23	ALECENSA	25
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	30	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	33	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43
acetazolamide CP12	42	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	62	alfuzosin hcl	46
acetazolamide sodium	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	64	ALINIA SUSR	21
acetazolamide TABS 125 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	64	aliskiren fumarate	20
acetazolamide TABS 250 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	64	allopurinol	47
acetic acid (otic)	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	64	almotriptan malate 12.5 MG	52
acetic acid 0.25 %	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	64	almotriptan malate 6.25 MG	52
acetylcysteine SOLN	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	ALOCRIAL	58
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	alogliptin benzoate	15
acitretin 25 MG	38	AIMOVIG	51	alogliptin-metformin hcl	14
ACTHAR	43	AIMSCO LUBRICATED MISC	50	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	14
ACTHIB SOLR IM	63	AIRDUO DIGIHALER 113/14	9	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG,	
ACTIMMUNE	26				

30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate TABS	32	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALOMIDE	58	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alose tron hcl	46	amlodipine besylate-benazepril hcl	19	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	19	amphotericin b IV	17
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-valsartan	19	amphotericin b liposome	17
alprazolam TB24	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	19	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	59
alprazolam TBDP	8	amoxapine	14	ampicillin CAPS 500 MG	59
ALREX SUSP (lote prednol etabonate)	57	amoxicillin & pot clavulanate CHEW	59	ampicillin sodium IJ 1 GM	59
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	59	anagrelide hcl	47
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS	59	anastrozole	24
ALUNBRIG TBPk	25	amoxicillin & pot clavulanate TB12	59	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	59	ANNOVERA	34
alvimopan	46	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG	59	ANORO ELLIPTA	9
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	59	ANZEMET TABS 50 MG	16
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	59	APIDRA SOLN	15
amantadine hcl TABS	27	amoxicillin TABS	59	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
ambrisentan	33	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	apomorphine hydrochloride SOCT	27
amcinonide CREA	39	amphetamine sulfate TABS	1	apraclonidine hcl	57
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17
amcinonide OINT	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	aprepitant CAPS 80 MG	17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			aprepitant CAPS	17
amiloride & hydrochlorothiazide	42				
amiloride hcl TABS	43				
aminocaproic acid TABS	48				
aminophylline SOLN	9				
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	8				
amiodarone hcl TABS	8				
amitriptyline hcl TABS	14				

aprepitant MISC	17	atazanavir sulfate CAPS 200 MG ..	29	azithromycin SUSR	49
APTIOM	11	atenolol & chlorthalidone	19	azithromycin TABS 250 MG	49
APTIVUS CAPS	29	atenolol TABS	31	azithromycin TABS 500 MG	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	47	ATGAM	54	azithromycin TABS 600 MG	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	aztreonam 1 GM	21
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	57
ARCALYST	3	atorvastatin calcium TABS	18	bacitracin	20
AREXVY	64	atovaquone	21	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	56
arformoterol tartrate	9	atovaquone-proguanil hcl	21	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	34
ARIKAYCE	2	atracurium besylate 100 MG/10ML 56		balsalazide disodium CAPS	46
aripiprazole SOLN OR	29	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	62	BALVERSA	25
aripiprazole TABS	29	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
armodafinil	1	ATROVENT HFA	8	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
ARMOUR THYROID TABS	62	AUSTEDO TABS	60	BARACLUDE SOLN	30
ARNUIITY ELLIPTA	9	AVONEX PEN AJKT	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	15
arsenic trioxide 10 MG/10ML	26	AVONEX PSKT	60	BAXDELA SOLR	45
ARZERRA	23	AYVAKIT	24	BAXDELA TABS	45
ascorbic acid SOLN IJ	67	azacitidine SUSR	23	BELSOMRA	49
asenapine maleate 2.5 MG	28	AZASITE	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	19
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	28	AZATHIOPRINE	54	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	19
aspirin CHEW	4	azathioprine TABS	54	benazepril hcl	19
aspirin TABS 325 MG	4	azelaic acid GEL	41	bendamustine hcl SOLR	22
aspirin TBEC 325 MG	4	azelastine hcl (ophth)	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 36	
aspirin TBEC 81 MG	4	azelastine hcl	56	benzonatate 100 MG	36
aspirin-dipyridamole	47	AZELEX	36	benzonatate 150 MG	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	29	azithromycin PACK	49	benzonatate 200 MG	36
		azithromycin SOLR	49		

benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %36	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG63	BRIVIACT TABS 11
benzoyl peroxide GEL 10 % 36	bexarotene (topical)38	bromfenac sodium (ophth) 0.09 % .58
benzoyl peroxide GEL 5 % 36	bexarotene 26	bromocriptine mesylate CAPS27
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %36	BEXSERO 63	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG 27
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 36	bicalutamide 24	BRUKINSA 25
benztropine mesylate SOLN 27	BIKTARVY 29	budesonide (inhalation) SUSP9
benztropine mesylate TABS 27	bimatoprost SOLN 58	budesonide (intrarectal) 7
bepotastine besilate 58	bisacodyl SUPP 49	budesonide (nasal)56
BESIVANCE 57	bisacodyl TBEC 49	budesonide CPEP 35
betaine 44	bisoprolol & hydrochlorothiazide .. 20	budesonide-formoterol fumarate dihydrate9
betamethasone dipropionate (topical) CREA 39	bisoprolol fumarate 31	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ... 43
betamethasone dipropionate (topical) LOTN 39	bleomycin sulfate 15 UNIT 25	bumetanide TABS 43
betamethasone dipropionate (topical) OINT 39	BOOSTRIX SUSP 62	buprenorphine hcl SOLN 6
betamethasone dipropionate augmented CREA 39	BOOSTRIX SUSY 62	buprenorphine hcl SUBL 6
betamethasone dipropionate augmented LOTN 39	bortezomib SOLR IJ 25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG 6
betamethasone dipropionate augmented OINT 39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG .. 25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG 6
betamethasone valerate CREA ... 39	bosentan TABS 125 MG 33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL 6
betamethasone valerate FOAM ... 39	bosentan TABS 62.5 MG 33	buprenorphine PTWK 6
betamethasone valerate LOTN ... 39	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 25	bupropion hcl (smoking deterrent) 61
betamethasone valerate OINT ... 39	BOSULIF TABS 400 MG 25	bupropion hcl TABS 12
BETASERON KIT 60	BRAFTOVI 75 MG 25	bupropion hcl TB12 100 MG 13
betaxolol hcl (ophth) SOLN 56	BREO ELLIPTA 9	bupropion hcl TB12 150 MG 12
betaxolol hcl 31	BREZTRI AEROSPHERE 9	bupropion hcl TB12 200 MG 12
bethanechol chloride 25 MG 63	BRILINTA 47	bupropion hcl TB12 200 MG 12
	brimonidine tartrate (topical) 41	bupropion hcl TB24 150 MG 13
	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 57	bupropion hcl TB24 300 MG 13
	brimonidine tartrate-timolol maleate . 56	bupirone hcl 5 MG 8
	brinzolamide 58	
	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML .. 11	

buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27
busulfan SOLN	22	calcitriol CAPS	44	carbinoxamine maleate SOLN	17
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4	calcitriol SOLN IV	44	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	17
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	46	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	22
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	46	carisoprodol TABS	56
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carisoprodol w/ aspirin & codeine	.56
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	calcium polycarbophil TABS	49	carmustine	22
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CALQUENCE	25	carteolol hcl (ophth)	57
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	candesartan cilexetil	19	carvedilol	31
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	20	carvedilol phosphate	31
butenafine hcl	37	CAPASTAT SULFATE	22	caspofungin acetate	17
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	capecitabine	23	CAYA DPRH	50
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	CAPRELSA	25	CAYSTON	21
cabergoline	45	captopril 12.5 MG	19	cefaclor CAPS	33
CABLIVI	47	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	33
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine CHEW	11	cefadroxil CAPS	33
calcipotriene CREA	38	carbamazepine CP12 100 MG	11	cefadroxil SUSR	33
calcipotriene OINT	38	carbamazepine CP12 200 MG	11	cefadroxil TABS	33
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine CP12 300 MG	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	39	carbamazepine SUSP	11	cefdinir CAPS	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	39	carbamazepine TABS	11	cefdinir SUSR	33
calcitonin (salmon) NA	43	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34
		carbamazepine TB12 200 MG	11	cefixime CAPS	33
		carbidopa	27	cefixime SUSR	33
		carbidopa-levodopa TABS	27	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	33
		carbidopa-levodopa TBCR	27	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
		carbidopa-levodopa TBCR	27	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
		carbidopa-levodopa TBCR	27	cefpodoxime proxetil SUSR	34

cefepodoxime proxetil TABS34	chlorpromazine hcl TABS29	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML 45
cefprozil SUSR33	chlorthalidone 25 MG, 50 MG 43	ciprofloxacin-dexamethasone58
cefprozil TABS33	chlorzoxazone TABS 500 MG 56	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 58
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM 34	CHOLBAM45	cisplatin SOLN 100 MG/100ML22
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG34	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT 67	citalopram hydrobromide SOLN ... 13
ceftriaxone sodium IJ 250 MG34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT67	citalopram hydrobromide TABS 10 MG 13
cefuroxime axetil TABS33	cholestyramine light PACK 18	citalopram hydrobromide TABS 20 MG 13
cefuroxime sodium IJ 750 MG33	cholestyramine light POWD18	citalopram hydrobromide TABS 40 MG 13
celecoxib3	cholestyramine PACK18	clarithromycin SUSR49
CELONTIN (methsuximide)12	cholestyramine POWD18	clarithromycin TABS 49
cephalexin CAPS 33	cholefenofibrate18	clarithromycin TB2449
cephalexin SUSR33	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 43	CLASSIC PRENATAL TABS 55
CERDELGA47	ciclopirox GEL37	clemastine fumarate SYRP 17
CEREZYME 400 UNIT47	ciclopirox olamine CREA37	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 17
cetirizine hcl TABS18	ciclopirox olamine SUSP37	CLIMARA PRO45
cevimeline hcl 54	ciclopirox SHAM 37	clindamycin hcl21
CHEMET 16	ciclopirox SOLN37	clindamycin palmitate hydrochloride . 21
CHEMSTRIP-K STRP42	cidofovir30	clindamycin phosphate (topical) FOAM 36
chloramphenicol sodium succinate 21	cilostazol47	clindamycin phosphate (topical) GEL 36
chlordiazepoxide hcl CAPS 8	CIMDUO29	clindamycin phosphate (topical) LOTN36
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide62	cimetidine TABS 62	clindamycin phosphate (topical) SOLN36
chlordiazepoxide-amitriptyline60	cinacalcet hcl44	clindamycin phosphate (topical) SWAB36
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)54	CIPRO SUSR45	
chloroquine phosphate TABS 250 MG 22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN 57	
chloroquine phosphate TABS 500 MG 22	ciprofloxacin hcl (otic) 58	
chlorpromazine hcl SOLN 29	ciprofloxacin hcl TABS45	
	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML 45	

clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21	clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY SUSP	64
clindamycin phosphate vaginal CREA	66	clonidine hcl TABS	19	COMPLERA	29
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	36	clopidogrel bisulfate 300 MG	47	CONTRACE	1
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	36	clopidogrel bisulfate 75 MG	47	COPIKTRA	25
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clorazepate dipotassium TABS	8	CORDRAN TAPE	40
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 56		clotrimazole (topical) CREA	37	CORLANOR SOLN	33
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 56		clotrimazole (topical) SOLN	37	CORLANOR TABS	33
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 56		clotrimazole	54	CORTISPORIN-TC	58
clobazam SUSP	10	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	66	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	38
clobazam TABS	10	clotrimazole w/ betamethasone CREA	37	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	38
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 39		clotrimazole w/ betamethasone LOTN	37	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	38
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	39	clozapine TABS	28	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	38
clobetasol propionate FOAM	39	clozapine TBDP 100 MG	28	CREON CPEP	42
clobetasol propionate GEL 0.05 % 39		clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 28		CRESEMBA CAPS 186 MG	17
clobetasol propionate OINT 0.05 % 39		clozapine TBDP 25 MG	28	cromolyn sodium (ophth)	58
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40		COARTEM	22	cromolyn sodium NEBU	8
clocortolone pivalate	40	codeine sulfate TABS 30 MG	5	crotamiton LOTN	41
clofarabine	23	CODEINE SULFATE TABS	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	55
clomiphene citrate TABS	43	colchicine TABS	47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	47
clomipramine hcl	14	colchicine w/ probenecid	47	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	56
clonazepam TABS	11	colesevelam hcl PACK	18	cyclophosphamide CAPS	22
clonidine	19	colesevelam hcl TABS	18	cyclophosphamide SOLR IJ	22
		colestipol hcl GRAN	18	cycloserine	22
		colestipol hcl PACK	18	cyclosporine (ophth) EMUL	57
		colestipol hcl TABS	18	cyclosporine CAPS	54
		COMETRIQ KIT	25	cyclosporine modified (for	
		COMIRNATY 2023-24 SUSP	64		
		COMIRNATY 2023-24 SUSY	64		

microemulsion) CAPS	54	DAURISMO	24	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	34
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	54	DEBACTEROL	54	desonide CREA	40
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	54	decitabine	23	desonide LOTN	40
CYLTEZO AJKT	3	deferasirox PACK	16	desonide OINT	40
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	3	deferasirox TABS	16	desoximetasone CREA 0.25 %	40
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	deferasirox TBSO	16	desoximetasone GEL	40
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	deferiprone TABS 500 MG	16	desoximetasone OINT 0.25 %	40
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	deflazacort TABS	35	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14
cyproheptadine hcl SYRP	18	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	45	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14
cyproheptadine hcl TABS	18	DELSTRIGO	29	dexamethasone ELIX	35
CYSTAGON CAPS	46	demeclocycline hcl TABS	61	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35
CYSTARAN	58	DEPO-ESTRADIOL	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	57
cytarabine SOLN	23	DEPO-MEDROL SUSP	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG	10	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35	dexamethasone SOLN	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG	10	desipramine hcl TABS	14	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	35
dacarbazine SOLR 200 MG	26	desloratadine TABS	18	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35
dactinomycin	25	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexchlorpheniramine maleate SOLN .	17
dalfampridine	60	desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexlansoprazole	63
danazol CAPS	7	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	44	dexmethylphenidate hcl CP24	1
dantrolene sodium CAPS	56	desmopressin acetate spray	44	dexmethylphenidate hcl TABS	1
dapsone	21	desmopressin acetate spray refrigerated	44	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
DAPTACEL	62	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44		dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1
daptomycin 500 MG	21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44		dextroamphetamine sulfate TABS 5	
darifenacin hydrobromide	63	desogestrel & ethinyl estradiol	34		
darunavir TABS	29	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	34		

MG, 10 MG	1	difluprednate	57	MG/5ML	17
dextrose in lactated ringers	53	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	32	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18
DIACOMIT CAPS 250 MG	11	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	32	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18
DIACOMIT CAPS 500 MG	11	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	52	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16
DIACOMIT PACK 250 MG	11	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	52	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16
DIACOMIT PACK 500 MG	11	DILANTIN (phenytoin sodium extended)	12	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	62
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	DILANTIN	12	dipyridamole	47
diazepam CONC	8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	12	disopyramide phosphate CAPS	8
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	12	disulfiram	60
diazepam TABS	8	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	32	DIURIL SUSP	43
diazoxide	15	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	32	divalproex sodium TB24	12
dichlorphenamide	42	diltiazem hcl CP12	32	divalproex sodium TBEC	12
diclofenac epolamine PTCH EX ...	38	diltiazem hcl CP24	32	docetaxel CONC 20 MG/ML	27
diclofenac potassium TABS 50 MG .	3	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	27
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	38	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	32	docosate calcium	49
diclofenac sodium (ophth)	58	DILTIAZEM HCL SOLR	32	docosate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac sodium (topical) GEL EX 38		diltiazem hcl TABS	32	docosate sodium CAPS 250 MG ..	49
diclofenac sodium TB24	3	diltiazem hcl TB24	32	dofetilide	8
diclofenac sodium TBEC	3	dimethyl fumarate CDPK	60	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	60
diclofenac w/ misoprostol TBEC	3	dimethyl fumarate CPDR	60	donepezil hydrochloride TABS 5 MG . 60	
dicloxacillin sodium	59	DIPENTUM	46	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	60
dicyclomine hcl CAPS	62	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 17		donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 60	
dicyclomine hcl SOLN OR	62	diphenhydramine hcl ELIX 12.5		DOPTLET	48
dicyclomine hcl TABS	62			dorzolamide hcl	58
DIFFERIN LOTN	37			dorzolamide hcl-timolol maleate ..	57
DIFICID TABS	49				
diflorasone diacetate CREA	40				
diflorasone diacetate OINT	40				
diflunisal TABS	4				

DOVATO	29	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	EMFLAZA SUSP	35
doxazosin mesylate	19	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	EMFLAZA TABS (deflazacort)	35
doxepin hcl (antipruritic)	38	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	50	EMGALITY SOAJ	51
doxepin hcl (sleep)	48	dutasteride	46	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	51
doxepin hcl CAPS	14	dutasteride-tamsulosin hcl	46	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	51
doxepin hcl CONC	14	econazole nitrate CREA	37	EMSAM	13
doxercalciferol CAPS	44	EDARBI	19	emtricitabine CAPS	29
doxercalciferol SOLN	44	EDURANT	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	29
doxorubicin hcl liposomal	25	efavirenz CAPS 200 MG	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29
doxorubicin hcl SOLN	25	efavirenz CAPS 50 MG	29	EMTRIVA SOLN	29
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	efavirenz TABS	29	EMVERM CHEW	7
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	61	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	61	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	62	EGRIFTA 2 MG	44	enalapril maleate TABS	19
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG	61	EGRIFTA SV	44	ENBREL MINI SOCT	4
doxycycline hyclate CAPS	62	ELAPRASE	44	ENBREL SOLN	4
doxycycline hyclate SOLR	62	electrolyte-148	53	ENBREL SOLR	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	62	electrolyte-a	53	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	ELESTRIN GEL	45	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
dronabinol CAPS	17	eletriptan hydrobromide	52	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
drospirenone-ethinyl estradiol	34	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	64
drospirenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	34	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENGERIX-B SUSY	64
DROXIA CAPS	47	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10
DUAVEE	45	ELIQUIS TABS	10	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10
DULERA	9	ELLA	35	enoxaparin sodium SOSY 30	
		ELMIRON CAPS	46		
		EMCYT	24		

MG/0.3ML	10	ergotamine w/ caffeine TABS	52	estradiol vaginal CREA	67
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10	ERIVEDGE	24	estradiol vaginal TABS	67
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10	ERLEADA 240 MG	24	estradiol valerate	45
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10	ERLEADA 60 MG	24	ESTROGEL GEL	45
ENSPRYNG	54	erlotinib hcl	24	eszopiclone	48
entacapone	27	ERTACZO	37	ethacrynic acid	43
entecavir TABS	30	ertapenem sodium IJ	21	ethambutol hcl TABS	22
EPIDIOLEX	11	erythromycin (acne aid) PADS	37	ethosuximide CAPS	12
epinastine hcl (ophth)	58	erythromycin (acne aid) SOLN	37	ethosuximide SOLN	12
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	67	erythromycin (ophth)	57	ethynodiol diacet & eth estrad	34
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	67	erythromycin base CPEP	49	etodolac CAPS	3
EPIVIR HBV SOLN	30	erythromycin base TABS	49	etodolac TABS	3
eplerenone	20	erythromycin base TBEC	49	etonogestrel-ethinyl estradiol	35
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	erythromycin ethylsuccinate SUSR 49	ETOPOPHOS	27	
epoprostenol sodium	32	erythromycin ethylsuccinate TABS	49	etoposide CAPS	27
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27
EQUETRO 100 MG	28	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13	etravirine 100 MG	29	
EQUETRO 200 MG	28	escitalopram oxalate TABS 20 MG 13	etravirine 200 MG	29	
EQUETRO 300 MG	28	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	EUCRISA	41	
ERAXIS	17	13	EVAMIST SOLN	45	
ERBITUX	23	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	63	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
ergocalciferol CAPS	67	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	63	everolimus TABS	25
ergocalciferol SOLN OR	67	esomeprazole magnesium TBEC .	63	EVOTAZ	29
ergoloid mesylates TABS	61	estazolam	48	exemestane	24
ERGOMAR SUBL	52	estradiol GEL	45	ezetimibe	19
		estradiol PTTW	45	ezetimibe-simvastatin	18
		estradiol PTWK	45	famciclovir 125 MG, 250 MG	31
		estradiol TABS	45	famciclovir 500 MG	31
			famotidine in nacl SOLN	62	

famotidine SOLN 20 MG/2ML	62	ferrous fumarate-folic acid	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65
famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	63	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65
famotidine SUSR	63	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65
famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	63	ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
FANAPT	28	fesoterodine fumarate	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65
FANAPT TITRATION PACK	28	FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FANTASY LUBRICATED MISC ...	50	FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50		finasteride	46	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FARXIGA	16	fingolimod hcl	60	fluconazole SUSR	17
FASENRA PEN SOAJ	8	FIRDAPSE	22	fluconazole TABS	17
FASENRA SOSY	8	FIRMAGON	24	flucytosine	17
FC2 FEMALE CONDOM	50	flavoxate hcl	63	fludarabine phosphate SOLN	23
febuxostat	47	flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLR	23
felbamate SUSP	12	floxuridine	23	fludrocortisone acetate TABS	36
felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	65
felbamate TABS 600 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	65
felodipine	32	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	65
FEMCAP DEVI	50	FLUARIX QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	64	FLUMIST QUADRIVALENT	65
FEMRING	67	FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	64	flunisolide (nasal) 0.025 %	56
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	18	FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	fluocinolone acetonide (otic)	58
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	18	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021- 2022	64	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40	
fenopropfen calcium TABS	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023	64	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	40
FENSOLVI SC	44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024	65	fluocinolone acetonide OIL	40
fentanyl citrate LPOP	5			fluocinolone acetonide OINT	40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5			fluocinolone acetonide SOLN	40

fluocinonide CREA 0.05 %	40	56	folic acid TABS	47
fluocinonide emulsified base	40		fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML	10
fluocinonide GEL	40		fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML	10
fluocinonide OINT	40	fluticasone propionate hfa	9	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML
fluocinonide SOLN	40	fluticasone propionate LOTN	40	10
fluorometholone (ophth) SUSP	57	fluticasone propionate OINT	40	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML
fluorouracil (topical) CREA 5 %	38	fluticasone-salmeterol AEPB	9	10
fluorouracil (topical) SOLN	38	fluticasone-salmeterol AERO	9	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST
fluorouracil 500 MG/10ML	23	fluvastatin sodium CAPS 20 MG	18	STRIPS
fluoxetine hcl CAPS 10 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	18	FORA TEST N' GO
fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13	fluvoxamine maleate TABS 100 MG	13	ADVANCE/VOICE/6 CONNECT
fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13	fluvoxamine maleate TABS 25 MG,	13	formoterol fumarate NEBU
fluoxetine hcl CPDR	13	50 MG	13	FORTEO SOPN (teriparatide
fluoxetine hcl SOLN	13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-	65	(recombinant))
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG	13	2022	65	FOSAMAX PLUS D
13		FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-	65	fosamprenavir calcium TABS
fluoxetine hcl TABS 20 MG	13	2023	65	29
fluphenazine hcl CONC	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-	65	fosfomycin tromethamine
29		2024	65	21
fluphenazine hcl ELIX	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-	65	fosinopril sodium &
29		2022 SUSP	65	hydrochlorothiazide
fluphenazine hcl SOLN	29	2022 SUSY	65	20
29		FLUZONE QUADRIVALENT 2021-	65	fosinopril sodium
fluphenazine hcl TABS	29	2022 SUSY	65	19
29		FLUZONE QUADRIVALENT 2022-	65	fosphenytoin sodium
flurandrenolide CREA	40	2023 SUSP	65	12
40		FLUZONE QUADRIVALENT 2022-	65	FRAGMIN SOSY
flurandrenolide LOTN	40	2023 SUSY	65	10
40		FLUZONE QUADRIVALENT 2023-	65	FREESTYLE LIBRE 14
flurazepam hcl	48	2024 SUSP	65	DAY/READER/FLASH
48		FLUZONE QUADRIVALENT 2023-	65	MONITORING SYSTEM
flurbiprofen sodium	58	2024 SUSY	65	51
58		FLUZONE QUADRIVALENT 2022-	65	FREESTYLE LIBRE 14
flurbiprofen TABS	3	2023 SUSY	65	DAY/SENSOR/FLASH
3		FLUZONE QUADRIVALENT 2023-	65	MONITORING SYSTEM
flutamide	24	2024 SUSP	65	51
24		FLUZONE QUADRIVALENT 2023-	65	FREESTYLE LIBRE
fluticasone furoate-vilanterol	9	2024 SUSY	65	2/READER/FLASH GLUCOSE
9		FML FORTE SUSP	57	MONITORING SYSTEM
fluticasone propionate (inhalation)	9	57	57	51
AEPB	9	FML OINT	57	FREESTYLE LIBRE
9				2/SENSOR/FLASH GLUCOSE
fluticasone propionate (nasal) SUSP				MONITORING SYSTEM

FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51	GM/300ML	59	60
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	59	GLEOSTINE 10 MG
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51	GAMMAKED 1 GM/10ML	59	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG
frovatriptan succinate	52	GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	59	glimepiride 1 MG, 2 MG
fulvestrant SOSY	24	GAMUNEX-C 1 GM/10ML	59	glimepiride 4 MG
furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	43	GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	59	glipizide TABS 5 MG, 10 MG
furosemide TABS	43	ganciclovir sodium SOLR	30	glipizide TB24
FUZEON SOLR	29	ganirelix acetate	44	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG
FYCOMPA TABS 2 MG	10	GARDASIL 9 SUSP	65	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG
FYCOMPA TABS 4 MG	10	GARDASIL 9 SUSY	65	GLUCAGEN DIAGNOSTIC
FYCOMPA TABS 6 MG	10	gatifloxacin (ophth)	57	glucagon (rdna)
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	10	gefitinib	24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG
gabapentin CAPS	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	23	glyburide TABS
gabapentin SOLN	11	gemfibrozil TABS	18	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 11		gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG
GALAFOLD	44	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	57	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..
galantamine hydrobromide CP24 ..	60	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML
galantamine hydrobromide SOLN ..	60	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	37	glycopyrrolate TABS 1 MG
galantamine hydrobromide TABS ..	60	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	37	glycopyrrolate TABS 2 MG
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 58		gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GLYXAMBI
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	58	GENVOYA	29	GNP PRENATAL TABS
GAMMAGARD LIQUID 30		GILOTRIF	24	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS
		glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	60	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML
		glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .		granisetron hcl TABS

griseofulvin microsize SUSP	17	MG/0.8ML	3	MG, 5 MG-200 MG	6
griseofulvin microsize TABS	17	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	6
griseofulvin ultramicrosize	17	HUMIRA PEN PNKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7
guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	3	hydrocortisone (rectal) EX	7
guanfacine hcl	19	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	40
GYNAZOLE-1	66	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %	40
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3	HUMIRA PSKT	3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	40
HADLIMA SOSY	3	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	15	hydrocortisone acetate (rectal)	7
HAEGARDA SOLR SC	47	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	15	hydrocortisone butyrate CREA	40
HALAVEN	27	HYCANTIN CAPS	27	hydrocortisone butyrate OINT	40
halcinonide CREA	40	hydralazine hcl SOLN	20	hydrocortisone butyrate SOLN	40
halobetasol propionate CREA	40	hydralazine hcl TABS	20	hydrocortisone TABS	35
halobetasol propionate OINT	40	hydrochlorothiazide CAPS	43	hydrocortisone valerate CREA	40
HALOG OINT	40	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 43		hydrocortisone valerate OINT	40
haloperidol decanoate	28	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	43	hydrocortisone w/acetic acid	58
haloperidol lactate CONC	28	hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER	36	hydromorphone hcl LIQD	5
haloperidol lactate SOLN	28	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML	5
haloperidol TABS	28	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl TABS	5
HAVRIX	66	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200		hydromorphone hcl TB24 32 MG	5
HEALON PRO SOSY	58			hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5
HEMANGEOL SOLN OR	31			hydroxychloroquine sulfate 200 MG	22
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	10			hydroxyurea	26
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 10				hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML	8
HEPLISAV-B SOSY	66			hydroxyzine hcl SYRP	8
HIBERIX SOLR IJ	63			hydroxyzine hcl TABS	8
HUMATROPE CART IJ	44				
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80					

hydroxyzine pamoate CAPS	8	INCRUSE ELLIPTA	8	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	56	
HYPERSAL NEBU	36	indapamide TABS 1.25 MG	43	ipratropium bromide SOLN 0.02 %	9	
HYQVIA	59	indapamide TABS 2.5 MG	43	ipratropium-albuterol SOLN	9	
ibandronate sodium SOLN	43	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	irbesartan	19	
ibandronate sodium TABS	43	indomethacin CPCR	4	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	
IBRANCE CAPS	25	INFANRIX	62	IRESSA (gefitinib)	24	
IBRANCE TABS	25	INFLECTRA SOLR	46	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100	MG/5ML	27
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	3	INGREZZA CAPS	60	irrigation solutions, physiological	54	
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG	4	INGREZZA CPPK	60	ISENTRESS CHEW	30	
ibuprofen TABS 800 MG	3	INLYTA	23	ISENTRESS HD TABS	29	
icatibant acetate SOLN	47	INREBIC	25	ISENTRESS TABS	30	
icatibant acetate SOSY	47	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	15	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	53	
ICLUSIG	25	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	15	ISOLYTE-S	53	
icosapent ethyl 1 GM	18	INSULIN ASPART		isoniazid SOLN	22	
idarubicin hcl 20 MG/20ML	25	PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid SYRP	22	
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10	MG/10ML	FLEXPEN SUPN	15	isoniazid TABS	22	
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	22	INSULIN ASPART		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	MG, 20 MG, 30 MG	7
ifosfamide SOLR	23	PROTAMINE/INSULIN ASPART		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	32	
imatinib mesylate	25	SUSP	15	isosorbide mononitrate TABS	7	
IMBRUVICA CAPS 140 MG	25	INSULIN ASPART SOLN IJ	15	isosorbide mononitrate TB24	7	
IMBRUVICA CAPS 70 MG	25	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH		isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	40 MG	37
IMBRUVICA SUSP	25	SOPN	15	isradipine CAPS	32	
IMBRUVICA TABS	25	INSULIN DEGLUDEC SOLN	15	itraconazole CAPS	17	
imipenem-cilastatin IV	21	INTELENCE 25 MG	29	itraconazole SOLN	17	
imipramine hcl TABS	14	INTRAROSA	66	ivermectin (pediculicide)	41	
imipramine pamoate	14	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	26	ivermectin	7	
imiquimod 5 %	41	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	53	IXEMPRA KIT 15 MG	27	
IMPAVIDO	20	IOPIDINE	57			
INCRELEX	44	IPOL INACTIVATED IPV	66			
		ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	56			

JAKAFI	25	KIMONO LUBRICATED MISC	50	KYLEENA	35
JANUMET TABS	14	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	50	KYPROLIS	25
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	14	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		labetalol hcl SOLN	31
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	14	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 31	
JANUVIA	15	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	labetalol hcl TABS 300 MG	31
JARDIANCE	16	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lacosamide SOLN OR 10 MG/ML .	11
JEVTANA	27	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	50	lacosamide TABS	11
JULUCA	30	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lactated ringer's (irrigation)	54
KALYDECO TABS	61	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	50	lactated ringer's	53
KAMELEON LUBRICATED MISC .	50	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		lactic acid (ammonium lactate) CREA	41
KANJINTI	23	KIMONO SPECIAL DEVI	50	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	41
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	53	KINRIX SUSY	62	lactulose (encephalopathy)	46
KEPIVANCE 6.25 MG	27	KISQALI	25	lactulose SOLN	49
KESIMPTA	60	KISQALI FEMARA 200 DOSE ...	25	lamivudine (hbv) TABS	30
ketoconazole (topical) CREA	37	KISQALI FEMARA 400 DOSE ...	25	lamivudine SOLN	30
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	37	KISQALI FEMARA 600 DOSE ...	25	lamivudine TABS 150 MG	30
ketoconazole	17	KLARITY-A	57	lamivudine TABS 300 MG	30
KETONE STRP	42	KOSELUGO	25	lamivudine-zidovudine	30
KETONE TEST STRIPS STRP ...	42	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	55	lamotrigine CHEW 25 MG	11
ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG ...	4	KRINTAFEL	22	lamotrigine CHEW 5 MG	11
ketorolac tromethamine (ophth) ...	58	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	50	lamotrigine TABS	11
ketorolac tromethamine TABS	4	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	50	lamotrigine TBDP	11
KETOSTIX STRP	42			LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	32
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 58				LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	32
KEVZARA SOAJ	3			lansoprazole CPDR 15 MG	63
KEVZARA SOSY	3			lansoprazole CPDR 30 MG	63
KIMONO COLORS DEVI	50			lanthanum carbonate CHEW	46

lapatinib ditosylate	26	MG	11	lidocaine hcl GEL 2 %	41
LASTACRAFT	58	levetiracetam TABS 500 MG	11	lidocaine hcl PRSY	41
latanoprost SOLN	58	levetiracetam TB24	11	lidocaine hcl SOLN	41
leflunomide	4	levobunolol hcl 0.5 %	57	lidocaine PTCH 5 %	41
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	54	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lidocaine-prilocaine CREA	41
lenalidomide 20 MG	54	levocetirizine dihydrochloride TABS 18		LILETTA 20.1 MCG/DAY	35
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	lincomycin hcl	21
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	23	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	45	linezolid SUSR	21
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin SOLN OR	45	linezolid TABS	21
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	45	LINZESS	46
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin TABS 500 MG	45	liothyronine sodium SOLN	62
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 34		liothyronine sodium TABS	62
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lisdexamphetamine dimesylate CAPS	1
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	34	lisinopril & hydrochlorothiazide	20
letrozole	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	34	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19
leucovorin calcium SOLR	27	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	34	lithium	28
leucovorin calcium TABS	27	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34		LITHIUM	28
LEUKERAN	23	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lithium carbonate CAPS	28
LEUKINE SOLR IJ	48	levothyroxine sodium TABS	62	lithium carbonate TABS	28
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	24	LEXIVA SUSP	30	lithium carbonate TBCR	28
levabuterol hcl	9	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	49	LO LOESTRIN FE TABS	34
levabuterol tartrate	9	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	54	LOKELMA	54
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	15	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	54	loperamide hcl CAPS	16
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	15			lopinavir-ritonavir SOLN	30
LEVEMIR SOLN	15			lopinavir-ritonavir TABS	30
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 11				loratadine CAPS	18
levetiracetam TABS 1000 MG	11			loratadine CHEW	18
levetiracetam TABS 250 MG, 750				loratadine SOLN	18
				loratadine TABS	18

loratadine TBDP	18	30 MG	44	megestrol acetate (appetite)	59
lorazepam CONC	8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	28	megestrol acetate SUSP	24
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	lurasidone hcl 80 MG	28	megestrol acetate TABS	24
lorazepam TABS 1 MG	8	LYNPARZA TABS	26	MEKINIST SOLR	26
LORBRENA	26	LYSODREN	24	MEKINIST TABS 0.5 MG	26
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	mafenide acetate PACK	39	MEKINIST TABS 2 MG	26
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		magnesium sulfate IJ 50 %	53	MEKTOVI	26
losartan potassium	19	malathion	41	meloxicam TABS	4
LOTEMAX OINT	57	maraviroc TABS 150 MG	30	melphalan	23
loteprednol etabonate GEL	57	maraviroc TABS 300 MG	30	melphalan hcl	23
loteprednol etabonate SUSP	57	MARPLAN	13	memantine hcl TABS	60
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	18	MASONATAL TABS	55	MENACTRA	64
lovastatin TABS 40 MG	18	MATULANE	26	MENEST	45
loxapine succinate	28	MAXIDEX SUSP OP	57	MENOSTAR PTWK	45
lubiprostone	45	MAXX LUBRICATED MISC	50	MENQUADFI	64
LUCEMYRA	60	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	MENVEO SOLR	64
luliconazole	37	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
LUMIZYME	44	meclizine hcl TABS 25 MG	17	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	24	meclofenamate sodium CAPS	4	meperidine hcl TABS 50 MG	5
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	24	MEDROL TABS	35	meprobamate	8
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	35	mercaptopurine TABS	23
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	35	meropenem	21
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 44		medroxyprogesterone acetate 10 MG	59	mesalamine CP24	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	44	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	59	mesalamine CPDR	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)		mefenamic acid CAPS	4	mesalamine ENEM	46
		mefloquine hcl	22	mesalamine SUPP	46
				mesalamine TBEC 1.2 GM	46
				mesalamine TBEC 800 MG	46
				metaxalone 800 MG	56

metformin hcl TABS 1000 MG 15	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG 2	TABS 25 MG-50 MG 20
metformin hcl TABS 500 MG 15	methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 2	metoprolol succinate TB24 200 MG 31
metformin hcl TABS 850 MG 15	methylphenidate hcl CP24 1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG 31
metformin hcl TB24 500 MG 15	methylphenidate hcl CPCR 2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML 31
metformin hcl TB24 750 MG 15	methylphenidate hcl SOLN 2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG 31
methadone hcl CONC 5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) CREA 41
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41
METHADONE HCL SOLN IJ 5	methylphenidate hcl TB24 27 MG .. 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 41
methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG 2	metronidazole (topical) LOTN 41
methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole TABS 20
methadone hcl TABS 10 MG 5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	metronidazole vaginal 66
methadone hcl TABS 5 MG 5	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2	mexiletine hcl 8
methadone hcl TBSO 5	methylphenidate PTCH 2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 66
methamphetamine hcl 1	methylprednisolone acetate SUSP 35	midodrine hcl 67
methazolamide TABS 42	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG 35	miglitol 14
methenamine hippurate 21	methylprednisolone TABS 35	miglustat 47
methimazole TABS 62	methylprednisolone TBPK 35	minocycline hcl CAPS 62
METHITEST TABS 7	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 45	minocycline hcl TABS 62
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 56	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 46	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 20
METHOTREXATE 2	metoclopramide hcl TABS 46	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML 48
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 23	metolazone 43	MIRENA 35
methotrexate sodium SOLR 23	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 20	mirtazapine TABS 15 MG 12
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23	metoprolol & hydrochlorothiazide	mirtazapine TABS 30 MG 12
methoxsalen rapid 38		
methscopolamine bromide 62		
methsuximide 12		
methyl dopa TABS 19		

mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	12	MG/ML, 1 MG/ML	5	nalbuphine hcl	7
mirtazapine TBDP 15 MG	12	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	5	naloxone hcl LIQD	16
mirtazapine TBDP 30 MG	12	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	16
mirtazapine TBDP 45 MG	12	morphine sulfate TABS	5	naltrexone hcl	16
misoprostol	63	morphine sulfate TBCR	5	naproxen sodium TABS 550 MG	4
mitomycin SOLR IV 20 MG	25	MOTOFEN	16	naproxen SUSP	4
mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25	MOVANTIK	46	naproxen TABS	4
M-M-R II SOLR	66	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	57	naproxen TBEC 500 MG	4
M-NATAL PLUS TABS	55	moxifloxacin hcl in sodium chloride 45	45	naratriptan hcl	52
modafinil 100 MG	2	moxifloxacin hcl TABS	45	NATACYN	57
modafinil 200 MG	2	MOZOBIL (plerixafor)	48	NATAZIA	34
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	66	MULPLETA	48	nateglinide	16
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	66	MULTI PRENATAL TABS	55	NAYZILAM	11
MODERNA COVID-19 VACCINE6- 11Y SUSP	66	mupirocin OINT	37	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	66	MVASI	23	nebivolol hcl 20 MG	31
moexipril hcl	19	MYALEPT	44	NEBUSAL NEBU	36
mometasone furoate (nasal) SUSP	56	mycophenolate mofetil CAPS	54	nefazodone hcl	13
mometasone furoate CREA	40	mycophenolate mofetil TABS	54	nelarabine	23
mometasone furoate OINT	40	mycophenolate sodium	54	neomycin sulfate TABS	2
mometasone furoate SOLN	40	MYLERAN TABS	23	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	57
montelukast sodium CHEW	9	nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth OINT	57
montelukast sodium PACK	9	nadolol TABS 20 MG	31	neomycin-polymy-dexameth SUSP	57
montelukast sodium TABS	9	nadolol TABS 40 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (ophth)	57
morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	5	nadolol TABS 80 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	58
morphine sulfate SOLN IJ 0.5		naftifine hcl CREA 1 %	38	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	58
		naftifine hcl CREA 2 %	38	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	
		NAGLAZYME	44		

MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	55	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	61	nizatidine SOLN	63
NEONATAL PLUS TABS	55	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	44
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	55	NICOTROL INHALER INHA	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	44
NEONATAL VITAMIN TABS	55	NICOTROL NS SOLN	61	norelgestromin-ethinyl estradiol	34
neostigmine methylsulfate SOSY	22	nifedipine CAPS 10 MG	32	norethin acet & estrad-fe CAPS	34
NEO-SYNALAR	37	nifedipine CAPS 20 MG	32	norethin acet & estrad-fe CHEW	34
NEUPRO	27	nifedipine TB24 60 MG	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	34
NEVANAC	58	nifedipine TB24 90 MG	32	norethindrone & eth estradiol	34
nevirapine SUSP	30	nifedipine TB24	32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	34
nevirapine TABS	30	nilutamide	24	norethindrone (contraceptive)	35
nevirapine TB24 100 MG	30	nimodipine CAPS	32	norethindrone acet & eth estra	34
nevirapine TB24 400 MG	30	NINLARO	26	norethindrone acetate TABS	59
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	63	NIPENT	27	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	45
NEXPLANON	35	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	32	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	34
NEXTSTELLIS	34	nitazoxanide TABS	21	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	34
niacin (antihyperlipidemic) TBCR	19	nitisinone CAPS	44	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	34
niacin CPCR 250 MG, 500 MG	67	NITRO-BID OINT	7	norgestimate-ethinyl estradiol	34
niacin TABS	67	nitrofurantoin	21	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	34
niacin TBCR	67	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	21	NORMOSOL-M/D5W	53
NIACIN TR TBCR	67	nitrofurantoin monohyd macro	21	NORMOSOL-R	53
niacinamide TABS 100 MG	67	nitroglycerin (intra-anal)	7	nortriptyline hcl CAPS	14
niacinamide TABS 500 MG	67	nitroglycerin CPCR	7	nortriptyline hcl SOLN	14
nicardipine hcl CAPS	32	nitroglycerin PT24	7	NORVIR PACK	30
nicardipine hcl SOLN	32	NITROGLYCERIN SOLN IV	7		
nicotine MISC XX	61	nitroglycerin SUBL	7		
nicotine polacrilex GUM	61	NIVA-PLUS TABS	55		
nicotine polacrilex LOZG	61	nizatidine CAPS	63		

NORVIR SOLN	30	nystatin-triamcinolone CREA	38	ONCASPAR	26
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	42	nystatin-triamcinolone OINT	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 16	
NOVAREL IM 10000 UNIT	44	octreotide acetate SOLN	45	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	16
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	15	ODEFSEY	30	ondansetron hcl SOSY	16
NOVOLIN 70/30 SUSP	15	ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 24 MG	16
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	15	OFEV	61	ondansetron hcl TABS 4 MG	16
NOVOLIN N SUSP	16	ofloxacin (ophth)	57	ondansetron hcl TABS 8 MG	16
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	ofloxacin (otic)	58	ondansetron hcl TABS 8 MG	16
NOVOLIN R SOLN IJ	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	45	ondansetron TBDP 4 MG	17
NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	17	OGIVRI	23	ondansetron TBDP 8 MG	16
NP THYROID 120 TABS	62	olanzapine SOLR	28	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55
NP THYROID 15 TABS	62	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	28	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	55
NP THYROID 30 TABS	62	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	28	OPILL	35
NP THYROID 60 TABS	62	olanzapine TBDP 20 MG	28	OPSUMIT	33
NP THYROID 90 TABS	62	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	28	ORENITRAM TBCR	32
NUBEQA	24	olmesartan medoxomil	19	ORILISSA	44
NUCALA SOAJ	8	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	61
NUCALA SOLR	8	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI TABS	61
NUCALA SOSY 100 MG/ML	8	olopatadine hcl (nasal)	56	ORLADEYO	47
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8	olopatadine hcl 0.1 %	58	orphenadrine citrate TB12	56
NUCYNTA ER TB12	5	olopatadine hcl 0.2 %	58	oseltamivir phosphate CAPS	31
NUCYNTA TABS	5	omega-3-acid ethyl esters	18	oseltamivir phosphate SUSR	31
NUEDEXTA	61	omeprazole CPDR	63	OSMOPREP	49
NULOJIX	54	omeprazole magnesium CPDR ...	63	OSPHENA	44
nystatin (mouth-throat)	54	omeprazole TBEC	63	OTEZLA TABS	4
nystatin (topical) CREA	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63	OTEZLA TBPK	4
nystatin (topical) OINT	38	OMNIFLEX DIAPHRAGM	50	oxacillin sodium IV 10 GM	59
nystatin (topical) POWD EX	38			oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100	
nystatin TABS	17				

MG/20ML	23	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	43	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	49
oxandrolone	7	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43		peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	49
oxaprozin TABS	4	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT	42	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	49
oxazepam CAPS	8	PANRETIN	38	PEGASYS SOLN	30
OXBRYTA TABS 500 MG	47	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 63		PEGASYS SOSY	30
oxcarbazepine SUSP	11	paricalcitol CAPS	44	PEMAZYRE	26
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	11	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 63		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	
oxcarbazepine TABS 600 MG	11	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	35	penciclovir	39
oxiconazole nitrate CREA	38	paricalcitol SOLN	44	penicillamine CAPS	54
OXISTAT LOTN	38	paroxetine hcl SUSP	13	penicillamine TABS	54
oxybutynin chloride SOLN	63	paroxetine hcl TABS 10 MG	13	penicillin g potassium 5000000 UNIT 59	
oxybutynin chloride TABS 5 MG	63	paroxetine hcl TABS 20 MG	13	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	59
oxybutynin chloride TB24	63	paroxetine hcl TABS 30 MG	13	PENICILLIN G PROCAINE	59
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5	paroxetine hcl TABS 40 MG	13	penicillin g sodium	59
oxycodone hcl TABS	5	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	13	penicillin v potassium SOLR	59
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	13	penicillin v potassium TABS	59
oxymorphone hcl TABS	5	PASER PACK	22	PENTACEL	62
oxymorphone hcl TB12 40 MG	5	pazopanib hcl	26	pentazocine w/ naloxone hcl	7
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 5	5	PEDIARIX SUSY	62	pentoxifylline	47
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	15	pediatric multivitamins w/fl CHEW	55	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	19
OZEMPIC SOPN	15	PEDVAX HIB SUSP	64	perindopril erbumine 4 MG	19
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	27			PERJETA	23
paclitaxel protein-bound particles	27			permethrin CREA	41
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	28			permethrin LIQD EX	41
paliperidone 6 MG	28				
palonosetron hcl SOLN	17				

perphenazine TABS	29	PHOSLYRA SOLN	46	plerixafor	48
perphenazine-amitriptyline	60	PHOTOFRIN	27	PNEUMOVAX 23	64
PERSERIS PRSY	28	PIFELTRO	30	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	64
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	66	pilocarpine hcl (oral)	55	podofilox SOLN	41
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	66	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 57		polymyxin b sulfate SOLR	21
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 66		pimecrolimus	41	polymyxin b-trimethoprim	57
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	66	pimozide	61	POMALYST	24
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	66	pindolol TABS	31	posaconazole SUSP	17
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66	pioglitazone hcl	16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 53	
PHEBURANE PLLT	44	pioglitazone hcl-glimepiride	14	potassium bicarbonate TBEF	53
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	47	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 14		potassium chloride CPCR	53
phendimetrazine tartrate TABS	1	piperacillin sodium-tazobactam sodium	59	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	53
phenelzine sulfate	13	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	53
phenobarbital ELIX	48	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	53
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	48	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride microencapsulated crystals er	53
phenoxybenzamine hcl	19	pirfenidone CAPS	61	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	53
phentermine hcl CAPS	1	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 61		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 53	
phenytoin CHEW	12	pirfenidone TABS 534 MG	61	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	53
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	12	piroxicam CAPS	4	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10	
phenytoin sodium SOLN	12	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	53		
phenytoin SUSP	12	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	53		
PHEXXI	67	PLEGRIDY SOPN	60		
		PLEGRIDY SOSY SC	60		
		PLEGRIDY STARTER PACK SOPN . 60			
		PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	60		

MEQ	53	TBDP	35	PRENATAL VITAMIN TABS	55
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	53	prednisolone SOLN	35	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	55
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	53	prednisolone TABS	35	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	55
potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG	46	prednisone SOLN	35	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	55
potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML	53	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	35	PRENATRIX TABS	55
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	37	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	35	PRENATRYL TABS	55
pralatrexate 20 MG/ML	23	prednisone TBPK	36	PREPLUS TABS	55
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	27	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	60	PREVNAR 13	64
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	61	PREVNAR 20	64
prasugrel hcl	47	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 11		PREZCOBIX	30
pravastatin sodium	18	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	11	PREZISTA SUSP	30
praziquantel	7	pregabalin SOLN	12	PREZISTA TABS (darunavir)	30
prazosin hcl CAPS	19	PREHEVBRIO	66	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	30
PRECISION XTRA	42	PREMARIN	67	PRIFTIN	22
PRED MILD	58	PREMARIN SOLR	45	primaquine phosphate TABS	22
PRED-G SUSP	58	PREMARIN TABS	45	primidone 50 MG, 250 MG	12
prednicarbate OINT	40	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	50	PRIORIX SUSR	66
prednisolone acetate (ophth)	58	PREMPHASE	45	PROAIR DIGIHALER	9
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	58	PREMPRO	45	PROAIR RESPICLICK AEPB	9
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 35		PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 55		probenecid	47
prednisolone sodium phosphate		PRENATAL ONE DAILY TABS ...	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	
		PRENATAL PLUS TABS	55	prochlorperazine	29
		PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	55	prochlorperazine maleate TABS ...	29
		PRENATAL TABS	55	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48
		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	55	PROCRIT 40000 UNIT/ML	48

progesterone CAPS	59	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22	ramelteon	49
PROGRAF PACK	54	pyridostigmine bromide TBCR	22	ramipril CAPS	19
PROGRAF SOLN	54	pyrimethamine	22	ranitidine hcl TABS 150 MG	63
PROLASTIN-C SOLN	61	QC PRENATAL TABS	55	ranolazine TB12 1000 MG	7
PROLASTIN-C SOLR	61	QINLOCK	26	ranolazine TB12 500 MG	7
PROLEUKIN	27	QUADRACEL SUSP	62	rasagiline mesylate	28
PROLIA SOSY	43	QUADRACEL SUSY	62	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	50
promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML	18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	29	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	50
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 50	
promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE SOAJ	60
promethazine hcl SYRP	18	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	60
promethazine hcl TABS	18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	REBIF SOSY	60
propafenone hcl CP12	8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60
propafenone hcl TABS	8	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSP	66
proparacaine hcl	57	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSY	66
propranolol hcl CP24	31	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	20	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	7
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	31	quinidine sulfate TABS	8	REGRANEX	41
propranolol hcl TABS	31	quinine sulfate CAPS 324 MG	22	RELENZA DISKHALER	31
propylthiouracil	62	QUZYTIR SOLN IV	18	RELEXXII TBCR 27 MG	2
protriptyline hcl	14	QVAR REDIHALER	9	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2
PROVISC SOSY	58	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	55	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	42
PTS PANELS KETONE TEST	42	RA PRENATAL TABS	55	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	42
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	rabeprazole sodium TBEC	63	RENFLEXIS	46
PULMOZYME	61	raloxifene hcl	44	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	55			repaglinide 2 MG	16
pyrazinamide	22				
pyridostigmine bromide SOLN OR	22				

REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19	ritonavir TABS	30	SAVELLA TITRATION PACK MISC 60	
REPATHA SOSY	19	rivastigmine tartrate CAPS	60	saxagliptin hcl	15
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG	14
RETACRIT	48	rizatriptan benzoate TABS 5 MG	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	14
RETEVMO	26	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	52	scopolamine	17
RETROVIR IV INFUSION SOLN	30	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	52	SELECT INSULIN SYRINGES	51
REXULTI	29	roflumilast	9	SELECT LANCETS	51
ribavirin (hepatitis c) CAPS	30	romidepsin SOLR	26	selegiline hcl CAPS	28
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 30		ropinirole hydrochloride TABS	28	selegiline hcl TABS	28
RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	28	selenium sulfide LOTN 2.5 %	39
rifabutin	22	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	28	SELZENTRY SOLN	30
rifampin CAPS	22	rosuvastatin calcium TABS	19	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30	
rifampin SOLR	22	ROTARIX SUSP	66	SEREVENT DISKUS	9
riluzole TABS	56	ROTARIX SUSR	66	sertraline hcl CONC	13
rimantadine hydrochloride TABS	31	ROTATEQ SOLN	66	sertraline hcl TABS 100 MG	13
ringer's	53	ROZLYTREK CAPS	26	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 13	
ringer's irrigation	54	RUBRACA	26	sevelamer carbonate PACK	46
RINVOQ	2	rufinamide SUSP	12	sevelamer carbonate TABS	46
risedronate sodium TABS 150 MG	43	rufinamide TABS 200 MG	12	SHINGRIX	66
risedronate sodium TABS 35 MG	43	rufinamide TABS 400 MG	12	SIGNIFOR	45
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	43	RUKOBIA	30	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33
risedronate sodium TBEC	43	RUXIENCE	23	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	33
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	28	RYBELSUS TABS	15	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	33
risperidone microspheres	28	salsalate	4	sildenafil citrate	32
risperidone SOLN	28	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	45	silodosin	46
risperidone TABS	28	SANTYL OINT	41		
risperidone TBDP	28	sapropterin dihydrochloride PACK	44		
		sapropterin dihydrochloride TABS	44		
		SAVELLA TABS	60		

silver sulfadiazine	39	magnesium sulfate	49	42
SIMPONI ARIA SOLN	3	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	spironolactone TABS	43
SIMULECT	54	30	SPRAVATO 56MG DOSE	13
simvastatin TABS	19	solifenacin succinate TABS	63	SPRAVATO 84MG DOSE	13
sirolimus TABS	54	SOLIQUA 100/33	14	SPRYCEL	26
SIRTURO	22	SOLOSEC	2	stannous fluoride CONC	54
SIVEXTRO TABS	21	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG,	stavudine CAPS	30
SKYLA	35	1000 MG	36	STELARA 130 MG/26ML	46
SKYRIZI PEN SOAJ	38	SOLU-CORTEF 250 MG	36	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39
SKYRIZI PSKT	39	SOLU-MEDROL 2 GM	36	STELARA SOSY 90 MG/ML	39
SKYRIZI SOCT	46	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	STENDRA	32
SKYRIZI SOSY	39	44	STIMATE SOLN NA	44
SLYND	35	sorafenib tosylate	26	STIOLTO RESPIMAT	9
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	55	SORBITOL 3 %	46	STIVARGA	26
SODIUM ACETATE SOLN (sodium	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	streptomycin sulfate SOLR	2
acetate)	52	46	STRIBILD	30
sodium acetate SOLN	52	sotalol hcl (afib/afi)	31	STRIVERDI RESPIMAT	9
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46	sotalol hcl TABS 240 MG	31	STRIVERDI RESPIMAT	9
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,	SUBSYS LIQD 100 MCG	6
.....	36	160 MG	31	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG,
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9	SOVALDI TABS 200 MG	30	600 MCG	5
%, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	53	SOVALDI TABS 400 MG	30	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200
sodium citrate & citric acid	46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE	MCG, 1600 MCG	6
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5	SUSP	66	sucralfate SUSP	63
MG, 1 MG, 2.2 MG	53	SPIKEVAX COVID-19	sucralfate TABS	63
sodium phenylbutyrate POWD	44	VACCINE/2023-24 SUSP	66	sulconazole nitrate CREA	38
sodium phenylbutyrate TABS	44	SPIKEVAX COVID-19	sulconazole nitrate SOLN	38
sodium polystyrene sulfonate POWD	VACCINE/2023-24 SUSY	66	sulfacetamide sodium (acne)	37
54	spinosad	41	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	57
sodium polystyrene sulfonate SUSP	SPIRIVA HANDIHALER CAPS	sulfacetamide sodium w/ sulfur
OR 15 GM/60ML	54	(tiotropium bromide monohydrate) .	9	CREA 10 %-5 %	37
sodium sulfate-potassium sulfate-	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9		
.....		spironolactone & hydrochlorothiazide		

sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	14	TEFLARO	34
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) .	12
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	37	SYNRIBO	27	TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	12
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	58	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	62	TEGSEDI	61
sulfadiazine TABS	61	TABLOID	23	telmisartan	19
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	TABRECTA	26	telmisartan-amlodipine	20
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus (topical) OINT	41	telmisartan-hydrochlorothiazide ...	20
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus CAPS	54	temazepam 15 MG, 30 MG	48
SULFAMYLON CREA	39	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	33	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	48
sulfasalazine TABS	46	tadalafil 5 MG	32	TEMODAR SOLR	23
sulfasalazine TBEC	46	TAFINLAR CAPS	26	temozolomide CAPS	23
sulindac TABS	4	TAFINLAR TBSO	26	temsirolimus	26
sumatriptan	52	tafluprost	58	TENIVAC INJ	62
sumatriptan succinate SOAJ	52	TAGRISSO 40 MG	24	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30	
sumatriptan succinate SOCT	52	TAGRISSO 80 MG	24	terazosin hcl	19
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	52	TAKHZYRO SOLN	47	terbinafine hcl TABS	17
sumatriptan succinate TABS	52	TAKHZYRO SOSY	47	terbutaline sulfate SOLN	9
sumatriptan-naproxen sodium	52	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	26	terbutaline sulfate TABS	9
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26	tamoxifen citrate TABS	24	terconazole vaginal CREA	66
SUNOSI 150 MG	1	tamsulosin hcl	47	terconazole vaginal SUPP	66
SUNOSI 75 MG	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG	26	teriflunomide	60
SYNAREL	44	TASIGNA 50 MG	26	teriparatide (recombinant) SOPN ..	43
SYNERA PTCH	41	tavorole	38	TERIPARATIDE SOPN	43
SYNJARDY TABS	15	tazarotene CREA	39	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
		TAZVERIK	26	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
		TDVAX SUSP	62	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
				TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	62

tetrabenazine	60	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	20
tetracycline hcl CAPS	62	tobramycin-dexamethasone SUSP 58	48
THALOMID	54	TODAY SPONGE MISC	66
theophylline ELIX	10	tolcapone	27
theophylline SOLN	10	tolmetin sodium CAPS	4
theophylline TB12	10	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
theophylline TB24	10	TOLSURA CAPS	17
THERANATAL CORE NUTRITION TABs	55	tolterodine tartrate CP24	63
THIOLA EC TBEC 100 MG	47	tolterodine tartrate TABS	63
THIOLA EC TBEC 300 MG	47	tolvaptan TABS	45
thioridazine hcl	29	topiramate CPSP 15 MG	12
thiotepa 15 MG	23	topiramate CPSP 25 MG	12
thiothixene	29	topiramate CS24	12
THYMOGLOBULIN	54	topiramate TABS 200 MG	12
THYROGEN 0.9 MG	41	topiramate TABS 25 MG, 100 MG ..	12
tiagabine hcl	12	topiramate TABS 50 MG	12
TIBSOVO	26	topotecan hcl SOLN	27
tigecycline	61	topotecan hcl SOLR	27
timolol maleate (ophth) SOLG	57	toremifene citrate	24
timolol maleate (ophth) SOLN	57	torsemide TABS	43
timolol maleate TABS	31	TRACLEER TBSO	33
tiopronin TBEC 100 MG	47	tramadol hcl TABS 50 MG	6
tiopronin TBEC 300 MG	47	tramadol hcl TB24	6
tiotropium bromide monohydrate CAPS	9	tramadol-acetaminophen	6
TIVICAY TABS	30	trandolapril 1 MG, 2 MG	19
tizanidine hcl CAPS	56	trandolapril 4 MG	19
tizanidine hcl TABS	56	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	20
tobramycin (ophth) SOLN	57	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	
tobramycin NEBU	2	tranylcypromine sulfate	13
		travoprost SOLN	58
		TRAZIMERA	23
		trazodone hcl TABS	13
		TRECATOR	22
		TRELEGY ELLIPTA	9
		TRELSTAR MIXJECT	24
		TREMFYA SOPN	39
		TREMFYA SOSY	39
		treprostinil SOLN IJ	32
		tretinoin (chemotherapy)	27
		tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	37
		tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	37
		tretinoin microsphere 0.1 %	37
		TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	23
		triamcinolone acetonide (mouth) ..	54
		triamcinolone acetonide (nasal) AERO	56
		triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	40
		triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	40
		triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	40
		triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	41
		triamcinolone acetonide (topical)	

LOTN 0.1 %	41	tropicamide SOLN 0.5 %	57	51
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	41	tropicamide SOLN 1 %	57	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41	trospium chloride CP24	63	51
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	36	trospium chloride TABS	63	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC
triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone	41	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	42	51
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	51	TRUXIMA
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	43	TRUETRACK TEST STRP	42	23
triamterene CAPS	43	TRULICITY	15	TUKYSA
triazolam	48	TRUMENBA	64	26
TRICARE TABS	56	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	50	TUZISTRA XR
trientine hcl 250 MG	54	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	50	36
trifluoperazine hcl TABS	29	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	50	TWINRIX SUSY
trifluridine	57	TRUSTEX LUBRICATED MISC	51	66
trihexyphenidyl hcl SOLN	27	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	50	TWIRLA
trihexyphenidyl hcl TABS	27	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	50	34
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	50	TYBLUME CHEW
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	30
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	61	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	TYMLOS
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	51	43
trimethoprim TABS	20	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDDED MISC	51	TYVASO REFILL SOLN IN
trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC		32
TRINTELLIX	13			TYVASO SOLN IN
TRIUMEQ TABS	30			TYVASO STARTER SOLN IN
TRIZIVIR	30			32
				UBRELVY
				UCERIS (budesonide (intrarectal))
				UDENYCA ONBODY SOSY
				UDENYCA SOAJ
				UDENYCA SOSY
				UPTRAVI TABS 200 MCG
				UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG
				33
				UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 33
				ursodiol CAPS
				45
				ursodiol TABS
				45
				UVADEX
				27

valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...31	venlafaxine hcl TB24 150 MG 14	voriconazole TABS17
valacyclovir hcl 500 MG31	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG 14	VOTRIENT (pazopanib hcl)26
valganciclovir hcl TABS30	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG 32	VYNDAMAX33
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML12	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG 32	VYNDAQEL 33
valproic acid CAPS 12	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...32	VYVANSE CAPS1
valrubicin25	verapamil hcl TABS32	warfarin sodium TABS 10
valsartan TABS 19	verapamil hcl TBCR32	water for irrigation, sterile 54
valsartan-hydrochlorothiazide20	VEREGEN37	WESTAB PLUS TABS56
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD11	VERZENIO26	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 6051
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...11	VICTOZA 15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 6551
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...11	vigabatrin PACK 12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 7051
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 11	vigabatrin TABS12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 7551
vancomycin hcl CAPS21	VIIBRYD STARTER PACK KIT ...13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 8051
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG21	vilazodone hcl TABS13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 8551
vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21	vincristine sulfate27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 9051
VAQTA 66	vinorelbine tartrate 10 MG/ML27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 9551
varenicline tartrate TABS 61	VIRACEPT TABS 250 MG30	XALKORI CAPS 26
varenicline tartrate TBPK 61	VIRACEPT TABS 625 MG30	XARELTO STARTER PACK TBPK 10
VARIVAX INJ 66	VIREAD POWD30	XARELTO SUSR10
VARUBI TBPK 17	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG .. 10
VAXNEUVANCE 64	VISTOGARD 16	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..10
VECAMYL20	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT67	XELJANZ SOLN2
VECTIBIX 100 MG/5ML 24	VITATHELY/GINGER TABS56	XELJANZ TABS 10 MG2
VELPHORO46	VITRAKVI CAPS26	XELJANZ TABS 5 MG 2
venlafaxine hcl CP24 150 MG 14	VITRAKVI SOLN26	
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG 14	VIZIMPRO24	
venlafaxine hcl CP24 75 MG 14	VORAXAZE27	
venlafaxine hcl TABS 14		

XELJANZ XR TB24	2	ZANOSAR	23	zolmitriptan TBDP	52
XEOMIN	56	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	12	zolpidem tartrate TABS	49
XERAIVA	61	ZARXIO	48	zolpidem tartrate TBCR	49
XGEVA SOLN	43	ZEJULA CAPS	26	zonisamide CAPS	12
XHANCE EXHU	56	ZEJULA TABS 100 MG	26	ZONTIVITY	47
XIFAXAN 200 MG	20	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG .	26	ZORBTIVE SC	44
XIFAXAN 550 MG	20	ZELBORAF	26	ZYDELIG	26
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	42	ZYLET	58
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	42		
XOLAIR SOLR	8	zidovudine CAPS	30		
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	8	zidovudine SYRP	30		
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	8	zidovudine TABS	30		
XOSPATA	26	ZIEXTENZO	48		
XPOVIO	24	zileuton TB12	9		
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25		ziprasidone hcl	28		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25		ZIRABEV	23		
XTAMPZA ER	6	ZIRGAN GEL	57		
XTANDI CAPS	24	ZOLADEX 10.8 MG	24		
XTANDI TABS 40 MG	24	ZOLADEX 3.6 MG	24		
XTANDI TABS 80 MG	24	zoledronic acid CONC	43		
XULTOPHY 100/3.6	15	zoledronic acid SOLN	43		
YERVOY	23	ZOLINZA	26		
YONSA	24	zolmitriptan SOLN	52		
zafirlukast	9	zolmitriptan TABS	52		
zaleplon 10 MG	48				
zaleplon 5 MG	49				
ZALTRAP 100 MG/4ML	23				

